

Dia.	Tool end dia.	Overall length	Cutting edge length	Shank dia.
D ₁	D _c	L	ℓ	D _s

11

JIS

CS-QM

Dao Vát Mép Lỗ 90° và 60°, Sử Dụng Cho Máy Khoan
(Countersinks 90° and 60°, Drilling Machine Use)

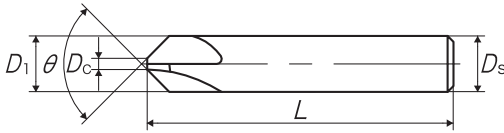


Thông Số Kỹ Thuật

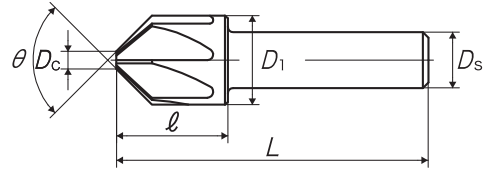
HSS

- CS-QM thích hợp để gia công độ chính xác cao khi vát mép lỗ tròn và các mép lỗ bắt bu lông. Có nhiều lưỡi cắt, dụng cụ này là phù hợp để sử dụng trên máy khoan.

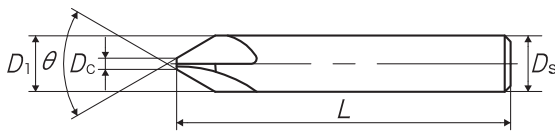
TYPE :1



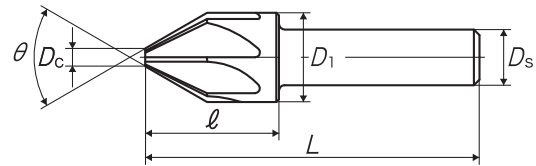
TYPE :2



TYPE :3



TYPE :4



Segment : 53

Size D ₁ × Ø × D _s	Code	D _s (mm)	D _c (mm)	L (mm)	ℓ (mm)	Số lưỡi cắt	TYPE	MSRP
6 × 90° × 6	CS6.0QM9	6	1.2	42	-	3	1	¥ 1,610
8 × 90° × 8	CS8.0QM9	8	1.6	44	-	3	1	¥ 1,970
10 × 90° × 8	CS010QM9	8	2	46	14	3	2	¥ 3,440
12 × 90° × 8	CS012QM9	8	2.5	48	16	5	2	¥ 4,030
16 × 90° × 10	CS016QM9	10	3.2	56	20	5	2	¥ 4,550
20 × 90° × 10	CS020QM9	10	4	60	24	5	2	¥ 6,040
25 × 90° × 10	CS025QM9	10	7	65	29	7	2	¥ 8,110
30 × 90° × 12	CS030QM9	12	9	68	32	7	2	¥ 10,300
35 × 90° × 12	CS035QM9	12	11	70	34	7	2	¥ 14,500
40 × 90° × 12	CS040QM9	12	12.5	71	35	7	2	¥ 19,300
6 × 60° × 6	CS6.0QM6	6	1.2	46	-	3	3	¥ 1,710
8 × 60° × 8	CS8.0QM6	8	1.6	48	-	3	3	¥ 2,050
10 × 60° × 8	CS010QM6	8	2	50	18	3	4	¥ 3,570
12 × 60° × 8	CS012QM6	8	2.5	52	20	5	4	¥ 4,180
16 × 60° × 10	CS016QM6	10	3.2	60	24	5	4	¥ 4,700
20 × 60° × 10	CS020QM6	10	4	64	28	5	4	¥ 6,350
25 × 60° × 10	CS025QM6	10	7	69	33	7	4	¥ 9,740
30 × 60° × 12	CS030QM6	12	9	76	40	7	4	¥ 12,300
35 × 60° × 12	CS035QM6	12	11	79	43	7	4	¥ 17,600
40 × 60° × 12	CS040QM6	12	12.5	81	45	7	4	¥ 22,900

Spiral Fluted Taps
(for blind hole)

Spiral Fluted Taps
(for through hole)

Spiral Pointed Taps
(for through hole)

Hand Taps

Cemented
Carbide Taps

Roll Taps

Special Thread Taps
Simple Inspection Tools

Pipe Taps

Thread Mills

Dies

Center Drills
Centering Tools

JIS

11-56